

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 157/2001/QĐ-TTg ngày 17/10/2001
về việc chuyển Ban Biên giới của
Chính phủ về Bộ Ngoại giao.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

Để thực hiện cải cách bộ máy của Chính phủ;

Xét nhu cầu công tác,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chuyển Ban Biên giới của Chính phủ về Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Ban Biên giới trực thuộc Bộ Ngoại giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Trưởng ban Ban Biên giới của Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001
về việc phê duyệt Đề án Đưa các
nội dung bảo vệ môi trường vào hệ
thống giáo dục quốc dân.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9
năm 1992;*

*Thực hiện Chỉ thị số 36/CT-TW ngày 25 tháng
6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công
tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp
hóa, hiện đại hóa đất nước;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào
tạo tại Tờ trình số 7839/KHCN ngày 07 tháng 8
năm 2001,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân với những nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu của đề án:

a) Giáo dục học sinh, sinh viên các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân có hiểu biết về pháp luật và chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường; có kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện bảo vệ môi trường.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ và cán bộ quản lý về bảo vệ môi trường.

2. Nội dung, phương thức giáo dục đào tạo về bảo vệ môi trường:

a) Nội dung, phương thức giáo dục bảo vệ môi trường.

Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường phải đảm bảo tính giáo dục toàn diện:

- Đối với giáo dục mầm non: cung cấp cho trẻ em hiểu biết ban đầu về môi trường sống của bản thân nói riêng và con người nói chung, biết cách sống tích cực với môi trường, nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh về cơ thể và trí tuệ.

- Đối với giáo dục tiểu học: trang bị những kiến thức cơ bản phù hợp với độ tuổi và tâm sinh lý của học sinh về các yếu tố môi trường, vai trò của môi trường đối với con người và tác động của con người đối với môi trường; giáo dục cho học sinh có ý thức trong việc bảo vệ môi trường; phát triển kỹ năng bảo vệ và gìn giữ môi trường.

- Đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông: trang bị những kiến thức về sinh thái học, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên; trang bị và phát triển kỹ năng bảo vệ và gìn giữ môi trường, biết ứng xử tích cực với môi trường sống xung quanh.

Việc giáo dục bảo vệ môi trường chủ yếu thực hiện theo phương thức khai thác triệt để tri thức về môi trường hiện có ở các môn học trong nhà trường. Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường còn được thực hiện ngoài nhà trường dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho toàn cộng đồng.

b) Nội dung, phương thức đào tạo cán bộ bảo vệ môi trường:

Nội dung chính để đào tạo cán bộ về bảo vệ môi trường bao gồm: những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường, kỹ năng nắm bắt các vấn đề môi trường, kỹ năng dự báo, phòng ngừa và giải quyết những sự cố môi trường và những nội dung cần thiết về pháp luật bảo vệ môi trường.

Việc đưa các nội dung trên vào chương trình đào tạo cán bộ bảo vệ môi trường phải căn cứ vào

đặc điểm ngành nghề, trình độ đào tạo để thiết kế chương trình và môn học. Phải khai thác các tri thức về môi trường hiện có ở các môn học. Đối với một số ngành đào tạo có thể biên soạn nội dung về bảo vệ môi trường thành những môn học riêng.

3. Các hoạt động thực hiện đề án:

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các dự án thành phần sau đây:

a) Xây dựng chương trình, giáo trình, bài giảng về giáo dục bảo vệ môi trường cho các bậc học, cấp học và các trình độ đào tạo.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức chỉ đạo việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và quản lý về lĩnh vực môi trường để đảm bảo nguồn nhân lực cho việc nghiên cứu, quản lý, thực hiện công nghệ bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước.

d) Tăng cường cơ sở vật chất cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường trong các trường học.

d) Thông tin giáo dục về bảo vệ môi trường trong nước, khu vực và trên thế giới.

4. Kinh phí thực hiện đề án:

a) Vốn ngân sách nhà nước: chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường; chi đầu tư phát triển; vốn vay và nguồn viện trợ của nước ngoài.

b) Các nguồn vốn khác: thông qua các hợp đồng, hợp tác, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Thời gian thực hiện đề án: từ năm 2001 đến hết năm 2005.

Điều 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các

dự án cụ thể đưa vào kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm; chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các dự án.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính bố trí kế hoạch ngân sách nhà nước 5 năm và hàng năm chi cho việc thực hiện đề án theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18/10/2001 phê duyệt Chiến lược Phát triển bưu chính - viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2001 số 10/2001/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2001;

Xét đề nghị của Tổng cục Bưu điện tại Tờ trình số 369/TCBĐ-KTKH ngày 10 tháng 4 năm 2001; ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 2099/BKH-CSHT ngày 09 tháng 4 năm 2001), Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Công văn số 874/BKH-CNMT-CN ngày 05 tháng 4 năm 2001), Văn hóa - Thông tin (Công văn số 1164/BVHTT-BC ngày 03 tháng 4 năm 2001), Công an (Công văn số 453/CV-BCA(V11) ngày 11 tháng 4 năm 2001), Quốc phòng (Công văn số 1169/QP ngày 27 tháng 4 năm 2001), Tài chính (Công văn số 3237/TC - TCDN ngày 10 tháng 4 năm 2001), Công nghiệp (Công văn số 1252/CV-KHĐT ngày 05 tháng 4 năm 2001) về Chiến lược Phát triển bưu chính - viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Phát triển bưu chính - viễn thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm:

a) Bưu chính, viễn thông Việt Nam trong mối liên kết với tin học, truyền thông tạo thành cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia, phải là một ngành mũi nhọn, phát triển mạnh hơn nữa, cập nhật thường xuyên công nghệ và kỹ thuật hiện đại. Phát triển đi đôi với quản lý và khai thác có hiệu quả, nhằm tạo điều kiện ứng dụng và thúc đẩy phát triển công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước và nâng cao dân trí.

b) Phát huy mọi nguồn lực của đất nước, tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia phát triển bưu chính, viễn thông, tin học trong môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch do Nhà nước quản lý với những cơ chế thích hợp. Phát triển nhanh, chiếm lĩnh và đứng vững ở